TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chinh và ông Hà Thúc Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thúy Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1046/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 1047/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị L - sinh năm: 1986, địa chỉ: Số K đường N, tổ dân phố K, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048186002773, cấp ngày: 02/10/2021 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Bùi Hải N - sinh năm: 1993; địa chỉ: Số K đường N, tổ dân phố K, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 045093010615, cấp ngày: 07/6/2023 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2026, bản tự khai ghi ngày 08/7/2026 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà Huỳnh Thị L và ông Bùi Hải N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cũ (số đăng ký: 79/2018). Sau khi kết hôn, vợ chồng bà L và ông N sống chung tại số K đường N, tổ dân phố K, phường H, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình sống chung đến năm 2020 thì giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông N không lo làm ăn, chơi cờ bạc và uống rượu dẫn đến cải vã, xô xát, ông N nhiều lần sử dụng bạo lực đánh bà L phải nhập viện nên bà L báo Công an lập biên bản nhưng không xử lý. Nay bà L xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc

sống chung không thể kéo dài nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông N.

Về con chung, bà L xác định có 02 con chung tên Bùi Huỳnh Linh Đ – sinh ngày: 04/6/2018 và Bùi Huỳnh Hải Đ1 - sinh ngày: 29/8/2024. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Hải N không trình bày ý kiến, không đến Toà án để tham gia tố tụng dù đã được Toà án cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án*: Căn cứ các Điều 51, 56, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị L được ly hôn ông Bùi Hải N; giao cả 02 con chung Bùi Huỳnh Linh Đ và Bùi Huỳnh Hải Đ1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Huỳnh Thị L và ông Bùi Hải N đã tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 79/2018 vào ngày 16/7/2018. Bị đơn ông Bùi Hải N đang cư trú tại phường H, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông N về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Bùi Hải N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung giải quyết*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị L và ông Bùi Hải N là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bà L muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng. Theo bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương nhau là do ông N không lo làm ăn, chơi cờ bạc và uống rượu dẫn đến cải vã, xô xát, ông N nhiều lần sử dụng bạo lực đối với bà L.

[4] Qua xác minh tại địa phương nơi các đương sự sinh sống vào ngày 14/7/2026 thể hiện: Vợ chồng bà L và ông N hiện đang sinh sống cùng với 02 con chung tại tổ dân phố K, phường H, ông N không có nghề nghiệp ổn định, còn việc mâu thuẫn cụ thể trong gia đình thì địa phương không hay biết. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà L kiên quyết xin được ly hôn, trong khi đó ông N không đến Tòa án tham gia tố tụng, điều này thể hiện bị đơn không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, sự mâu thuẫn giữa hai bên là đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đời sống hôn nhân của các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L ly hôn ông N, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[5] *Về con chung*: Bà Huỳnh Thị L và ông Bùi Hải N có 02 con chung tên Bùi Huỳnh Linh Đ - sinh ngày: 04/6/2018 và Bùi Huỳnh Hải Đ1 - sinh ngày: 29/8/2024. Bà L mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét yêu cầu của bà L phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ, đối với cháu Đ1 còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của bà L, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Bà Huỳnh Thị L không yêu cầu ông Bùi Hải N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị L không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác nhận không có nghĩa vụ tài sản gì đối với bên thứ ba trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

[8] *Về án phí:* Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L đối với ông Bùi Hải N về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị L ly hôn ông Bùi Hải N.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung tên Bùi Huỳnh Linh Đ – sinh ngày: 04/6/2018 và Bùi Huỳnh Hải Đ1 - sinh ngày: 29/8/2024 cho bà Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; ông Bùi Hải N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004482 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; như vậy, bà L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/8/2026). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp Đà Nẵng;
- VKSND KV4 – Đà Nẵng;
- Phòng THADSKV4 – Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Vân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn